

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/07/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vạn Minh Tâm

Ông Trần Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hồng T, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Số E, ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A (nay là ấp T), xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/03/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày: Chị T và anh N chung sống năm 2023, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long. Anh chị sống hạnh phúc một thời gian đến tháng 3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, anh chị đã sống ly thân, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/02/2024 và Nguyễn Hạ V, sinh ngày 27/05/2025, hai con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N, yêu cầu nuôi hai con chung là Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Hạ V, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2023 tại UBND xã T nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã dẫn đến ly thân từ tháng 5/2025 cho đến nay. Anh N không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là đã từ bỏ quyền lợi. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh N đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/02/2024 và Nguyễn Hạ V, sinh ngày 27/05/2025, hai con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con chung. Xét thấy cháu Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Hạ V đang sống với chị T, cuộc sống của cháu tốt, sức khỏe bình thường. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn

Ngọc A và Nguyễn Hạ V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hồng T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/02/2024 và Nguyễn Hạ V, sinh ngày 27/05/2025 cho chị Võ Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Hồng T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005979 ngày 02 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị T đã nộp xong.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Ngọc Dung